

PHỤ LỤC SỐ 04
APPENDIX 04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT
Công ty cổ phần Pin Hà Nội

Năm 2019

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch/ *Trading name: Công ty cổ phần Pin Hà Nội/Hanoi Battery Joint Stock Company*
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ *Certificate of business registration No: 0100100752*
- Vốn điều lệ/ *Charter capital: 72.539.110.000 VND*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital:*
- Địa chỉ/ *Address: Số 72 đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội*
- Số điện thoại/ *Telephone: 024- 3861 5365*
- Số fax/ *Fax: 024- 3861 2549*
- Website: *www.habaco.com.vn*
- Mã cổ phiếu (nếu có)/ *Securities code (if any): PHN*

Quá trình hình thành và phát triển/ Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển/ *Foundation and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ *Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

+ Việc thành lập: Được đầu tư xây dựng theo sự giúp đỡ của Trung Quốc năm 1958, chính thức đi vào hoạt động năm 1960 với các tên gọi lần lượt qua các thời kỳ như: Nhà máy pin Văn Điển; Xí nghiệp liên hiệp Pin Hà Nội, Công ty Pin Hà Nội; chuyên cung cấp các sản phẩm pin thông dụng phục vụ quốc phòng và dân sinh với nhãn hiệu “Con Thỏ”.

+ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần: Công ty chuyển đổi thành Công ty cổ phần từ 01 tháng 01 năm 2004 theo quyết định số 207/QĐ-BCN ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

+ Tháng 3 năm 2011 phát hành cổ phiếu bán cho cổ đông hiện hữu và cổ đông chiến lược là Công ty TNHH Pin quốc tế GP Singapore (GPBI) thuộc Tập đoàn pin GP, qua đó nâng vốn Điều lệ từ 19.740.000.000 đồng lên 34.545.000.000 đồng.

+ Tháng 3 năm 2011 thành lập công ty con Công ty TNHH MTV Pin Hà Nội (Công ty cổ phần Pin Hà nội góp 100% vốn) tại N3 khu C khu Công nghiệp Hòa Mạc thị trấn Hòa Mạc huyện Duy Tiên Tỉnh Hà Nam. Mã số doanh nghiệp số: 0700524947 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hà nam cấp ngày 11 tháng 3 năm 2011. Giấy chứng nhận đầu tư số 06221000118 do Ban Quản lý các khu Công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp ngày 23 tháng 9 năm 2011.

+ Tháng 5 năm 2011 thành lập Chi nhánh Công ty CP Pin Hà Nội tại Thành phố Hồ Chí Minh Đăng ký kinh doanh số 0100100752-002 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 5 năm 2011 thay đổi lần 3 ngày 23 tháng 5 năm 2013.

+ Tháng 10 năm 2015 tăng vốn điều lệ từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và từ Vốn chủ sở hữu lên 51.184.430.000 VND

+ Tháng 12 năm 2015 ký hợp đồng hợp tác liên doanh với Công ty TNHH Pin Quốc tế GP Singapore thành lập Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) tại Khu Công nghiệp Hòa Mạc Huyện Duy Tiên Tỉnh Hà Nam. Tổng vốn Điều lệ 90 tỷ Công ty cổ phần Pin Hà Nội góp 30% với Công ty TNHH Pin Quốc tế GP Singapore góp 70%.

+ Tháng 7 năm 2016 giải thể Công ty TNHH MTV Pin Hà Nội.

+ Tháng 12 năm 2017 tăng vốn điều lệ từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và từ Vốn chủ sở hữu lên 72.539.110.000 VND.

+ Ngày 7 tháng 1 năm 2019 Sở GDCK Hà Nội ban hành Quyết định số: 20/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Pin Hà Nội với mã CK: PHN.

+ Niêm yết: Ngày 13 tháng 3 năm 2019 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội (Mã CK: PHN) chính thức khai trương phiên giao dịch đầu tiên tại Sàn GDCK Hà Nội theo Thông báo số 194/TB-SGDHN ngày 1 tháng 3 năm 2019.

+ Tháng 10 năm 2019: Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) tăng vốn Điều lệ từ 90 tỷ lên 275 tỷ 624 triệu đồng. Công ty CP Pin Hà Nội không góp vốn bổ sung do đó giảm tỷ lệ góp tại Công ty TNHH GP (Việt Nam) từ 30% xuống 9,8%.

+ Tháng 12 năm 2019, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam thực hiện thoái vốn giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước từ 21% xuống còn 2%.

+ Tháng 12 năm 2019 Công ty TNHH Pin Quốc tế GP Singapore mua lại 19% cổ phần của Tập đoàn Hóa chất Việt nam nâng tỷ lệ sở hữu từ 30% lên 49% (sở hữu nước ngoài).

Công ty hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003444 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/01/2004, đăng ký kinh doanh cấp lại lần 12 ngày 17/12/2019 với mã số Doanh nghiệp: 0100100752.

- Các sự kiện khác/*Other events*

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ *Lines and locations of the business:*

- Ngành nghề kinh doanh/*Lines of the business:* (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 cấp lần đầu ngày 2 tháng 1 năm 2004; sửa đổi lần thứ 12 ngày 17 tháng 12 năm 2019

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
2720 (Chính)	Sản xuất pin và ắc quy
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (Chi tiết: bán buôn Pin các loại, nguyên liệu phục vụ sản xuất pin)
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi gồm có: Cho thuê nhà xưởng, nhà làm việc, kho bãi
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi gồm có: Xuất nhập khẩu trực tiếp nguyên vật liệu, sản phẩm pin các loại và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business:* (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

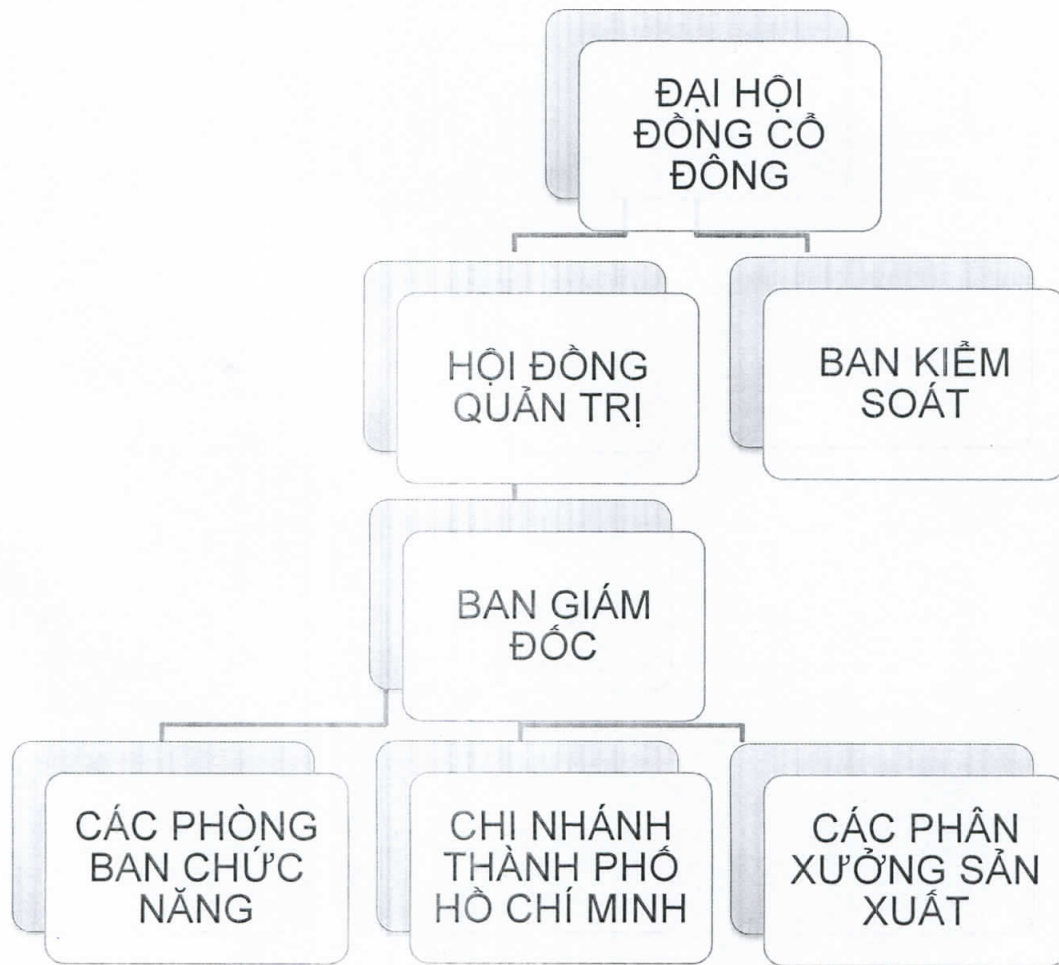
- + Thị trường chính của Công ty là toàn bộ các tỉnh phía Bắc, Miền trung và Tây nguyên;
- + Năm 2011 Công ty đã thành lập Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh nhằm hướng tới việc tiêu thụ các sản phẩm cao cấp tại các tỉnh phía Nam;
- + Công ty có sản lượng xuất khẩu ổn định sang thị trường Lào, Campuchia và thông qua Cổ đông chiến lược là Công ty TNHH Pin quốc tế GP Singapore đã và đang đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng như Ấn độ, Đông Âu, Trung Á, Châu Phi, Nam Mỹ...
- + Công ty là nhà phân phối độc quyền các sản phẩm pin nhãn hiệu GP tại thị trường Việt Nam từ tháng 9 năm 2019.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị/ *Governance model.*

- + Mô hình quản trị.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI



+ Cơ cấu bộ máy quản lý.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Managementstructure*.



- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*

+ *Chi nhánh Công ty Cổ phần Pin Hà Nội tại Thành phố Hồ Chí Minh:*

Mã số thuế 0100100752002

Địa chỉ: Số 369J An Dương Vương, P10, Q6 Tp Hồ Chí Minh

Chức năng nhiệm vụ: có chức năng giới thiệu quảng bá, tổ chức tiêu thụ sản phẩm của Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía nam.

Hình thức hạch toán: Chi nhánh có con dấu và tài khoản, hạch toán phụ thuộc và hoạt động theo sự điều hành của Công ty.

+ *Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam):*

Mã số thuế: 0700761514

Địa chỉ: Đường N3 Khu C Khu Công nghiệp Hòa Mạc Huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam

Vốn điều lệ: 275 tỷ 640 triệu đồng

Hình thức sở hữu: Công ty Cổ phần Pin Hà Nội nắm giữ 9,8% vốn. Công ty TNHH Pin Quốc tế Singapore nắm giữ 90,2% vốn.

Quan hệ sở hữu: Công ty liên kết.

4. *Định hướng phát triển/ Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company.*

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Tập trung đầu tư cho sản phẩm pin carbon zinc để nâng cao chất lượng, nâng cao khả năng cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại trong nước và sản phẩm nhập khẩu cùng loại về chất lượng, hình thức và giá cả.
- Đẩy mạnh nghiên cứu sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường hướng tới phát triển bền vững.
- Đảm bảo hiệu quả và tuyệt đối an toàn vốn cho cổ đông, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.
- Đảm bảo hài hòa giữa lợi ích cổ đông, lợi ích người lao động, lợi ích Nhà nước và trách nhiệm xã hội.
- Từng bước thay đổi phương thức bán hàng để dần dần có được một hệ thống bán hàng riêng của công ty tiếp cận gần hơn đến người tiêu dùng thông qua hệ thống đại lý hiện có của công ty. Tiếp cận và triển khai các phương thức bán hàng mới, hiện đại, tìm biện pháp để kích cầu đến người tiêu dùng phù hợp với đặc thù của sản phẩm, giữ thị phần và tăng thị phần tiêu thụ trong nước, tăng cường xuất khẩu tiểu ngạch.
- Nỗ lực chủ động hoặc thông qua đối tác GPBI tìm kiếm thị trường xuất khẩu chính ngạch. Tiếp tục kiện toàn và hoàn thiện các quy trình trong quản lý, có kế hoạch đầu tư và tuyển dụng hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển đối với thị trường xuất khẩu.
- Phối hợp hiệu quả với đối tác GPBI triển khai quảng bá và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm pin cao cấp (mà công ty chưa sản xuất) thương hiệu GP tại thị trường Việt Nam.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term.*

Về sản lượng sản xuất và tiêu thụ: Phân đầu mỗi năm có tốc độ tăng trưởng 12%.

Về hiệu quả: Phân đầu tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn điều lệ lớn hơn 25%; Tỷ lệ chi trả cổ tức lớn hơn 15%.

Sản phẩm sản xuất đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu IEC60086-2-2015 nghiên cứu đầu tư công nghệ sản xuất pin không chì đối với các sản phẩm chất lượng cao. Đánh giá thị trường trong nước và xuất khẩu để đầu tư sản phẩm mới, tạo bước phát triển đột phá cho công ty.

Chuẩn bị nguồn lực tài chính sẵn sàng di chuyển địa điểm sản xuất khi cần thiết.

Bám sát chủ trương của nhà nước cũng như quy hoạch của thành phố đối với diện tích đất hiện tại trên cơ sở đó xây dựng phương án chuyển đổi mục đích sử dụng đất với mục tiêu trong tâm là lựa chọn được đối tác phù hợp có khả năng thực hiện phương án đáp ứng được các yêu cầu: Có địa điểm xây dựng nhà máy mới thuận lợi và phù hợp với địa bàn hoạt động truyền thống của Công ty, đảm bảo tính ổn định về quy hoạch cho mục tiêu đầu tư dài hạn; Diện tích khu đất cho nhà máy mới đảm bảo đáp ứng quy mô sản lượng ít nhất gấp 2 lần quy mô hiện tại; Chi phí di dời tối thiểu trên cơ sở vận dụng tối đa chính sách hỗ trợ của Nhà nước và quy hoạch của Thành phố.

Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Đảm bảo an toàn tuyệt đối về vốn và tài sản của công ty.

Có lộ trình tăng vốn phù hợp với tốc độ tăng trưởng.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability*

Từ năm 2018 Công ty đã đầu tư thay đổi công nghệ nấu kềm bằng lò điện cảm ứng thay cho lò nấu dùng dầu DO để giảm thiểu tối đa phát thải khí, cải thiện môi trường làm việc cho người lao động. Cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu ngày càng cao theo Quy chuẩn Việt Nam.

Về dài hạn Công ty đang từng bước xây dựng và áp dụng hệ thống SA8000 dựa trên các điều kiện cụ thể của Công ty và Pháp Luật của nhà nước đồng thời sẽ từng bước nghiên cứu xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO14001 và hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001.

5. Các rủi ro/ *Risks:*

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

- Thị trường tiêu thụ nội địa : Luôn có sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty SX pin

trong nước dẫn tới không ổn định sản lượng, giá bán và doanh thu bán hàng.

- Thị trường xuất khẩu: phụ thuộc vào các đơn hàng từ cổ đông chiến lược. Chịu áp lực cạnh tranh về giá, đòi hỏi về chất lượng và mẫu mã ngày càng đa dạng. Do vậy việc công ty phải đối mặt với việc tăng hoặc giảm các đơn hàng một cách bất thường là điều khó tránh khỏi.
- Thị trường nguyên vật liệu đầu vào: Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm của Công ty nên giá cả nguyên liệu đầu vào có tác động trực tiếp đến hiệu quả SXKD của Công ty. Nguyên liệu kềm thời (nguyên liệu có tỷ trọng lớn nhất trong giá thành sản phẩm) chịu ảnh hưởng trực tiếp từ biến động của thị trường kim loại màu thế giới với biên độ tăng giảm bất thường phụ thuộc vào nhiều yếu tố như chính sách vĩ mô của các nước công nghiệp phát triển, nguồn cung ứng nguyên liệu cho ngành công nghiệp luyện kim... Ngoài ra các chủng loại nguyên liệu khác bao gồm có nguồn gốc nhập khẩu cũng như nội địa cũng chịu những ảnh hưởng trực tiếp từ các chính sách về môi trường, về năng lượng, về thuế quan...

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.448.616.472	-	-	12.448.616.472
Phải thu khách hàng, phải thu khác	27.348.852.350	20.000.000	-	27.368.852.350
	39.797.468.822	20.000.000	-	39.817.468.822
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.761.333.527	-	-	11.761.333.527
Phải thu khách hàng, phải thu khác	30.053.666.367	20.000.000	-	30.073.666.367
	41.814.999.894	20.000.000	-	41.834.999.894

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	19.775.714.440	-	-	19.775.714.440
Phải trả người bán, phải trả khác	7.351.278.736	-	-	7.351.278.736
Chi phí phải trả	2.225.160.834	-	-	2.225.160.834
	29.352.154.010	-	-	29.352.154.010
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	28.442.463.980	-	-	28.442.463.980
Phải trả người bán, phải trả khác	6.035.389.373	-	-	6.035.389.373
Chi phí phải trả	2.469.734.636	-	-	2.469.734.636
	36.947.587.989	-	-	36.947.587.989

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm.

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018	KH 2019	TH 2019	TH 2019/KH 2019	TH 2019/TH 2018
1	Sản lượng sản xuất	1000c	353.805,0	345.112,0	336.825,0	97,6%	95,2%
2	Sản lượng tiêu thụ nội địa	1000c	357.297,9	251.950,0	333.629,4	132,4%	93,4%
	Trong đó: SL Pin tiêu thụ xuất khẩu	1000c	125.371,1	93.162,0	90.354,0	97,0%	72,1%
3	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	362,00	350,00	341,90	97,7%	94,4%
	Trong đó: DThu XK	Tr.USD	3,89	2,60	2,52	96,9%	64,7%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	23,00	27,40	26,30	96,0%	114,3%
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ	%	31,7%	37,8%	36,5%	96,7%	115,2%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	18,39	22,00	20,90	95,0%	113,6%

Đánh giá:

Về sản lượng:

Tổng sản lượng sản xuất và tiêu thụ năm 2019 tụt giảm so với năm 2018 và kế hoạch năm 2019 do một số nguyên nhân:

- Đối với thị trường trong nước và xuất khẩu trong khu vực:
 - o Sản lượng R20 tiếp tục đã suy giảm do nhu cầu tiêu dùng đối với chủng loại sản phẩm này giảm rõ rệt ở thị trường nội địa và không hoàn thành được mục tiêu thúc đẩy mở rộng thị trường tại Lào và Campuchia đối với dòng sản phẩm R20. Sản lượng Tiêu thụ R20 đạt 100% so với kế hoạch đã điều chỉnh, 87,5% so với 2018.
 - o Sản phẩm R6 và R03 có tốc độ tăng trưởng khá tại thị trường nội địa tuy nhiên chưa đạt được mức tăng như kỳ vọng do chưa mở rộng được thị trường tại Lào và Campuchia cũng như chịu áp lực cạnh tranh từ các nguồn pin nhập khẩu có thương hiệu mạnh. Ngoài ra pin nhập lậu mang thương hiệu nước ngoài nhưng có giá bán thấp, chất lượng kém cũng xuất hiện khá phổ biến dù đã giảm ở một số điểm nóng cũng gây áp lực cạnh tranh không nhỏ với sản phẩm của Công ty. Người tiêu dùng ở các thành phố lớn với mức thu nhập khá đã từng bước điều chỉnh nhu cầu nhắm đến sản phẩm ở phân khúc công nghệ, chất lượng cao hơn mặc dù phân khúc sản phẩm đó có giá thành giá thành cao hơn. Sản lượng tiêu thụ R6 đạt 96,1% so với kế hoạch điều chỉnh, 106,7% so với 2018; Sản lượng tiêu thụ R03 đạt 96,9% so với kế hoạch, 108,7% so với 2018.

- Đối với thị trường xuất khẩu thông qua đối tác GP: Tổng giá trị xuất khẩu năm 2019 thông qua đối tác GP đạt 2,52 triệu USD giảm 1,37 triệu USD so với năm 2018 do các nguyên nhân:
 - o Đối với pin R6, toàn bộ Thị trường Ấn độ không có đơn hàng mới phát sinh trong năm 2019. Do vậy sản lượng R6 sụt giảm mạnh cụ thể đạt 25,3% so với năm 2018. Nguyên nhân do tập đoàn GP tái cơ cấu lại hoạt động kinh doanh tại thị trường Ấn Độ và dừng phát triển thương hiệu Godrej (dòng sản phẩm đặt hàng do Công ty sản xuất).
 - o Đối với sản phẩm R03: Công ty duy trì và đạt được tốc độ tăng trưởng khá vào Thị trường Brazil và đặc biệt phát triển thị trường mới vào Guatemala. Mặc dù thị trường Ấn Độ năm 2019 không phát sinh đơn hàng mới nhưng sản lượng XK R03 thông qua GP vẫn đạt 99% so với 2018 tuy nhiên chỉ đạt 92,4% so với kế hoạch, do đơn hàng cuối tháng 12 năm 2019 khách hàng điều chỉnh lịch giao hàng sang tháng 1 năm 2020.

Về doanh thu và hiệu quả

Mặc dù doanh thu tiêu thụ giảm so với kế hoạch và so với thực hiện năm 2018 do yếu tố sản lượng tiêu thụ như đánh giá trên. Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế đã tăng được 14% so với thực hiện 2018 và giảm 4,4% so với kế hoạch đã được điều chỉnh. Nguyên nhân chủ yếu là do yếu tố chi phí nguyên vật liệu đầu vào giảm đặc biệt là giá kẽm thỏi giảm hơn 4% so với giá kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

+ Danh sách Ban điều hành:

- Ông Phạm Văn Nghĩa Chức vụ Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Công ty

Năm sinh: 1961 Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Số cổ phần sở hữu: 364.350 cổ phần

- Ông Nguyễn Thanh Hùng Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc

Năm sinh 1963 Trình độ Kỹ sư chế tạo máy; Kỹ sư quản trị kinh doanh

Số cổ phần sở hữu: 117.980 cổ phần

- Ông Nguyễn Cao Sơn : Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc

Năm sinh 1966 Trình độ Kỹ sư Điện hóa

Số cổ phần sở hữu: 7.723 cổ phần

- Ông Võ Khánh Toàn: Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc

Năm sinh 1973 Trình độ: cử nhân Quản trị kinh doanh

Số cổ phần sở hữu: 16.800 cổ phần

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(*List the changes in the Board of Management of the year*). Trong năm không có sự thay đổi nhân sự trong ban điều hành.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./*Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.*

- Lao động sử dụng bình quân: 299 người.

- Lao động nghỉ chế độ; chấm dứt hợp đồng lao động: 36 người

- Lao động tuyển dụng mới: 9 người

Từ tháng 1 Năm 2019 Công ty điều chỉnh tăng 5% mức lương đóng BHXH cho toàn thể người lao động đồng thời tăng 5% thu nhập bình quân của người lao động so với năm 2018. Ngoài ra, từ tháng 10 năm 2019, Công ty tiếp tục điều chỉnh tăng thu nhập cho người lao động khoảng 7,5%.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/*Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/ Major investments:

Stt	Mã tài sản	Tên tài sản	Ngày tăng	Nguyên giá
	L02	Máy móc, thiết bị		4.020.008.611
1	TSCD958	Máy Sấy khí FR050APX	01/06/2019	
2	TSCD959	Máy in phun Videojet 1620 HR	01/06/2019	
3	TSCD960	Hệ thống dây chuyền máy đóng gói Pin R03 cs 500c/p	01/09/2019	
4	TSCD961	Máy cắt via ống kẽm R03 đồng bộ cs 600c/p	01/09/2019	
5	TSCD962	Trạm biến áp 1000KVA 22/0,4KV	01/10/2019	
6	TSCD964	Hệ thống kiểm tra phóng điện tự động Pin (DM 2000)	01/12/2019	
	L03	Phương tiện vận tải		509.955.000
7	TSCD956	Xe nâng điện ECL10	01/02/2019	
8	TSCD963	Xe nâng dầu IZU 2,5 tấn	01/11/2019	
	L04	Thiết bị, dụng cụ quản lý		218.620.000
9	TSCD957	Hệ thống kệ xếp hàng kho Vật tư	01/04/2019	
		Tổng cộng:		4.748.583.611

b) Các công ty con, công ty liên kết/ Subsidiaries, associated companies:

Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam):

Mã số thuế: 0700761514

Địa chỉ: Đường N3 Khu C Khu Công nghiệp Hòa Mạc Huyện Duy Tiên tỉnh

Hà Nam

Vốn điều lệ: 275 tỷ 640 triệu đồng

Hình thức sở hữu: Công ty Cổ phần Pin Hà Nội nắm giữ 9,8% vốn. Công ty TNHH Pin Quốc tế Singapore nắm giữ 90,2% vốn.

Quan hệ sở hữu: Công ty liên kết.

Tình hình hoạt động: Đang trong quá trình đầu tư giai đoạn 2, Giai đoạn 1 đã đi vào hoạt động từ quý II năm 2017. Công ty đã hoàn tất quá trình kiểm toán chất lượng với các khách hàng xuất khẩu lớn và bắt đầu nhận các đơn hàng từ khách hàng lớn. Sản lượng sản xuất và doanh thu tiêu thụ năm 2019 đã có sự tăng trưởng mạnh tuy nhiên vẫn chưa đạt đến mức công suất tối ưu do vậy vẫn chưa đem lại hiệu quả như kỳ vọng.

4. Tình hình tài chính/ Financial situation

a) Tình hình tài chính/ Financial situation

- Các chỉ tiêu khác/ other figures: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm/Year		Ghi chú/Note
	2018	2019	
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	2,16	2,42	lần
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn Short term Asset – Inventories Short term Debt	0,97	1,2	lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	30,18	27,77	%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	43,23	38,44	%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)	5,41	5,3	lần
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Net revenue/ Total Assets)	2,36	2,43	lần
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability			

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)	5.27	6,33	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)	17.8	21,35	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/ Total assets Ratio)	12.43	15,42	%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Operating profit/ Net revenue Ratio)	6.6	8.02	%
.....			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/*Shares:*

Tổng số cổ phần:	7.253.911 cổ phần
Số lượng CP chuyển nhượng tự do:	6.948.082 cổ phần
Cổ phần hạn chế chuyển nhượng:	305.829 cổ phần (tại thời điểm 31/12/2019)

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure:*

Cổ đông pháp nhân:

- GP Batteries internation Co., LTD sở hữu:	3.554.233 CP tương ứng 49 %
- Tập đoàn hóa chất Việt Nam sở hữu	144.533 CP tương ứng 2%
- Công đoàn Công ty cổ phần Pin Hà Nội sở hữu	5.264 CP tương ứng 0,07%
- CTCP Chứng khoán FPT	217 CP tương ứng 0,003%

Cổ đông thể nhân: 313 người sở hữu **3.549.664** CP tương ứng 48.93%

Trong đó 01 cổ đông lớn:

Ông Phạm Văn Nghĩa sở hữu: **364.350** CP tương ứng 5,023%

Ghi chú: Số liệu nêu trên căn cứ vào danh sách cổ đông chốt ngày 6 tháng 11 năm 2019 và các báo cáo kết quả đấu giá cổ phần của các cổ đông lớn là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và GP Batteries International Limited.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity:*

Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks:* **Không có**

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities:* **Không có**

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society*

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ *Management of raw materials:*

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

- Giá trị vật liệu chính dùng cho sản xuất Pin năm 2019: 195 tỷ đồng

- Giá trị vật liệu phụ dùng cho sản xuất Pin năm 2019: 19 tỷ đồng

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

- Tổng số lượng kẽm được tái chế cho sản xuất Pin trong năm 2019: 5.270 kg từ pin phế phẩm.

- Tổng số lượng bột cực dương được tái chế cho sản xuất Pin trong năm 2019: 15.344 kg từ Pin phế phẩm.

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

- Tổng tiêu thụ điện năm 2019: 2.169.000 Kw tăng 104.200 kw so với năm 2018 do năm 2019 Công ty sử dụng hoàn toàn công nghệ nấu kẽm bằng lò điện. Chi phí điện năng tăng hoàn toàn được bù đắp bằng việc tiết giảm chi phí nhiên liệu dầu DO.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

- Nguồn nước được khai thác từ nước ngầm dưới đất, được xử lý qua giàn mưa, lọc để sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt tại Công ty và khu tập thể công nhân. Hệ thống này được sử dụng từ năm 1960 và đến nay vẫn đang phải hoạt động vì chưa có nguồn nước sạch của Thành phố cung cấp.

- Tổng lượng nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt tại Công ty là 200 m³/ ngày.

- Tổng tiêu thụ nước trong năm 2019: 34.634 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

- Số nước tái sử dụng là 50 m³/ngày ở khâu nấu cán kẽm liên hoàn. Với 300 ngày sản xuất trong năm, lượng nước tái sử dụng chiếm tỷ lệ 43% tổng lượng nước sử dụng.

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

- Trong năm công ty không có lần nào bị xử phạt do không tuân thủ Luật pháp về bảo vệ môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

Không

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

- Lao động sử dụng bình quân: 299 người.

- Tổng chi phí cho người lao động (Tiền lương và com CN): 34,75 tỷ đồng.

- Thu nhập bình quân từ nguồn có: 9,69 triệu đồng/ ng/ tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

- Tổng chi phí bồi dưỡng tại chỗ bằng hiện vật và chống nóng cho người lao động năm 2019: 240 triệu đồng

- Chi phí cho người lao động đi tham quan nghỉ mát năm 2019: 302 triệu đồng

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

TT	Nội dung đào tạo	Số người	Số giờ	Tổng số giờ
1	Phòng cháy chữa cháy	20	8	160
2	An toàn vệ sinh viên	22	8	176
3	An toàn và an toàn vệ sinh lao động	80	16	1.280
4	Vận hành d/c PĐ R03	10	4	40
5	Lao động tuyển mới	8	8	64

6	Công nhân thành phẩm	35	4	140
7	HD đóng gói pin R03	25	4	100
8	HD nghiệm thu Palel, cuộn nylon	24	4	96
9	Lưu giữ liệu vật tư	02	8	16
10	Sử dụng máy đo pin	2	8	16
11	Hướng dẫn làm báo cáo	1	8	8
12	Kiến thức ATVSLĐ	7	4	28
13	Luật lao động	2	8	16
14	An toàn hóa chất	22	16	352
		269		2.492

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

+ Nội dung đào tạo gồm đào tạo làm việc theo hướng dẫn, đào tạo nội qui lao động, qui chế công ty, phương pháp kiểm tra chất lượng sản phẩm, hướng dẫn ghi biểu mẫu, hướng dẫn thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị, nhận thức về ISO9001:2015 và chuyên gia đánh giá nội bộ. Đào tạo về vệ sinh, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, cứu nạn ứng phó sự cố... Ngoài ra Công ty thường xuyên cử cán bộ nhân viên nghiệp vụ tham gia các lớp tập huấn về chế độ chính sách mới. Các lớp bồi dưỡng về kỹ năng bán hàng, marketing, phát triển thị trường cũng được công ty quan tâm tổ chức.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

- Công ty tích cực tham gia ủng hộ các hoạt động hỗ trợ của địa phương nơi Công ty đặt trụ sở

- Tổng số tiền tham gia các quỹ xã hội từ thiện trong năm 2019: 20.000.000 đồng

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ Green capital market activities under the guidance of the SSC.

Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

Đánh giá:

- Sản lượng R20 tiếp tục đà suy giảm do nhu cầu tiêu dùng đối với chủng loại sản phẩm này giảm rõ rệt ở thị trường nội địa và không hoàn thành được mục tiêu thúc đẩy mở rộng thị trường tại Lào và Campuchia đối với dòng sản phẩm R20. Sản lượng Tiêu thụ R20 đạt 100% so với kế hoạch đã điều chỉnh, 87,5% so với 2018.
- Sản phẩm R6 và R03 có tốc độ tăng trưởng khá tại thị trường nội địa tuy nhiên chưa đạt được mức tăng như kỳ vọng do chưa mở rộng được thị trường tại Lào và Campuchia cũng như chịu áp lực cạnh tranh từ các nguồn pin nhập khẩu có thương hiệu mạnh. Ngoài ra pin nhập lậu mang thương hiệu nước ngoài nhưng có giá bán thấp, chất lượng kém cũng xuất hiện khá phổ biến dù đã giảm ở một số điểm nóng cũng gây áp lực cạnh tranh không nhỏ với sản phẩm của Công ty. Người tiêu dùng ở các thành phố lớn với mức thu nhập khá đã từng bước điều chỉnh nhu cầu nhắm đến sản phẩm ở phân khúc công nghệ, chất lượng cao hơn mặc dù phân khúc sản phẩm đó có giá thành giá thành cao hơn. Sản lượng tiêu thụ R6 đạt 96,1% so với kế hoạch điều chỉnh, 106,7% so với 2018; Sản lượng tiêu thụ R03 đạt 96,9% so với kế hoạch, 108,7% so với 2018.
- Đối với thị trường xuất khẩu thông qua đối tác GP: Tổng giá trị xuất khẩu năm 2019 thông qua đối tác GP đạt 2,52 triệu USD giảm 1,37 triệu USD so với năm 2018 do các nguyên nhân:
 - Đối với pin R6, toàn bộ Thị trường Ấn Độ không có đơn hàng mới phát sinh trong năm 2019. Do vậy sản lượng R6 sụt giảm mạnh cụ thể đạt 25,3% so với năm 2018. Nguyên nhân do tập đoàn GP tái cơ cấu lại hoạt động kinh doanh tại thị trường Ấn Độ và dừng phát triển thương hiệu Godrej (dòng sản phẩm đặt hàng do Công ty sản xuất).
 - Đối với sản phẩm R03: Công ty duy trì và đạt được tốc độ tăng trưởng khá vào Thị trường Brazil và đặc biệt phát triển thị trường mới vào Guatemala. Mặc dù thị trường Ấn Độ năm 2019 không phát sinh đơn hàng mới nhưng sản lượng XK R03 thông qua GP vẫn đạt 99% so với 2018 tuy nhiên chỉ đạt 92,4% so với kế hoạch, do đơn hàng cuối tháng 12 năm 2019 khách hàng điều chỉnh lịch giao hàng sang tháng 1 năm 2020.

Về doanh thu và hiệu quả

Mặc dù doanh thu tiêu thụ giảm so với kế hoạch và so với thực hiện năm 2018 do yếu tố sản lượng tiêu thụ như đánh giá trên. Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế đã tăng được 14% so với thực hiện 2018 và giảm 4,4% so với kế hoạch đã được điều chỉnh. Nguyên nhân chủ yếu là do yếu tố chi phí nguyên vật liệu đầu vào giảm đặc biệt là giá kẽm thỏi giảm hơn 4% so với giá kế hoạch.

2. Tình hình tài chính/ *Financial Situation*

a) Tình hình tài sản/ *Assets*

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	143.726.781	916.657.992
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.304.889.691	10.844.675.535
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	-
	12.448.616.472	11.761.333.527

Tại ngày 31/12/2019, khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Trì kỳ hạn 01 tháng có giá trị 2.000.000.000 VND với lãi suất 05%/năm.

PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- GPI International Limited	8.631.039.992	-	8.941.287.013	-
- GP Battery Marketing (Singapore) Pte.Ltd	3.143.003.859	-	2.944.953.340	-
- Hộ kinh doanh Đỗ Thị Cúc	1.217.510.071	-	1.646.332.062	-
- Phải thu khách hàng khác	13.557.728.639	(276.614.539)	14.378.756.931	(281.114.539)
	26.549.282.561	(276.614.539)	27.911.329.346	(281.114.539)
Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	11.803.761.130	-	12.506.604.599	-

TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hán Đô Nghi Quảng Tây	2.840.212.350	-	-	-
- Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên VIMICO	903.014.505	-	-	-
- Guangxi Pingxiang Lvtong IMP and EXP Co.,Ltd	692.420.400	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	30.120.096	-	11.707.618	-
	4.465.767.351	-	11.707.618	-

PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
- Phải thu về lãi tiền gửi	5.205.479	-	-	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	156.834.124	-	12.226.883	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	21.808.472	-	-	-
- Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	11.162.380	-	-	-
- Tạm ứng	496.406.105	-	596.573.207	-
- Ký cược, ký quỹ	300.000.000	-	1.533.000.000	-
- Phải thu nhân viên tiền bảo hiểm	-	-	181.587.269	-
- Phải thu khác	84.767.768	-	100.064.201	-
	1.076.184.328	-	2.423.451.560	-
Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	20.000.000	-
	20.000.000	-	20.000.000	-

NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
- Công ty TNHH Thương mại Quốc tế & Dịch vụ Siêu thị BigC Thăng Long	45.608.502	-	45.608.502	-
- Cửa hàng 58 Trần Phú Hải Phòng	40.057.552	-	40.057.552	-
- Các khoản khác	219.315.878	28.367.393	223.815.878	28.367.393
	304.981.932	28.367.393	309.481.932	28.367.393

HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	38.463.206.777	-	45.259.894.497	-
Công cụ, dụng cụ	87.311.063	-	162.528.832	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.108.224.869	-	3.350.206.440	-
Thành phẩm	5.170.668.405	-	4.179.952.140	-
Hàng hoá	1.638.812	-	104.325.583	-
Hàng gửi đi bán	52.956.228	-	69.903.294	-
	45.884.006.154	-	53.126.810.786	-

CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	112.170.923	195.029.640
Chi phí mua bảo hiểm	18.989.562	14.515.606
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	70.454.545	-
	201.615.030	209.545.246
Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	138.630.274	150.588.293
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	871.021.079	447.508.744
Chi phí trả trước dài hạn khác	48.053.585	180.902.433
	1.057.704.938	778.999.470

TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	12.087.131.167	52.279.545.665	6.032.126.088	219.950.252	70.618.753.172
- Mua trong năm	-	4.020.008.611	509.955.000	218.620.000	4.748.583.611
- Thanh lý, nhượng bán	-	(767.474.861)	(322.722.857)	-	(1.090.197.718)
- Giảm khác	-	(8.213.443)	-	-	(8.213.443)
Số dư cuối năm	12.087.131.167	55.523.865.972	6.219.358.231	438.570.252	74.268.925.622
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	12.087.131.167	30.328.830.175	4.221.230.937	185.769.567	46.822.961.846
- Khấu hao trong năm	-	5.587.469.421	452.393.035	21.227.400	6.061.089.856
- Thanh lý, nhượng bán	-	(600.991.618)	(322.722.857)	-	(923.714.475)
- Tăng khác	-	613.738	-	-	613.738
Số dư cuối năm	12.087.131.167	35.315.921.716	4.350.901.115	206.996.967	51.960.950.965
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	21.950.715.490	1.810.895.151	34.180.685	23.795.791.326
Tại ngày cuối năm	-	20.207.944.256	1.868.457.116	231.573.285	22.307.974.657

Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 34.891.885.958 VND.

TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán có nguyên giá là 40.000.000 VND và khấu hao lũy kế cuối năm là 40.000.000 VND, khấu hao trích trong năm là 3.333.337 VND.

b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Hoá công Quốc Lưu Quảng Tây TQ	1.953.266.400	1.953.266.400	2.196.222.600	2.196.222.600
- V-Resource .Ltd	1.846.485.000	1.846.485.000	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	1.606.376.376	1.606.376.376	3.561.807.267	3.561.807.267
	5.406.127.776	5.406.127.776	5.758.029.867	5.758.029.867
Phải trả người bán là các bên liên quan				
	-	-	1.793.504.413	1.793.504.413

CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	28.047.911	24.838.786
- Chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại	2.139.627.925	2.272.934.232
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	-	-
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán	-	-
- Chi phí phải trả khác	57.484.998	171.961.618
	2.225.160.834	2.469.734.636

PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	34.570.993	79.083.487
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.776.480.246	35.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	23.955.000	38.131.300
- Quỹ xã hội	60.593.350	60.593.350
- Phải trả phụ cấp HĐQT không tham gia điều hành	45.000.000	60.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.551.371	4.551.369
	<u>1.945.150.960</u>	<u>277.359.506</u>

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		-		8.538.882.301		7.599.725.726		-		939.156.575	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	398.368.901		-		297.481.764		352.176.197		453.063.334		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		1.075.314.779		5.519.128.877		5.051.091.687		-		1.543.351.969	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		86.120.345		965.977.690		748.121.889		-		303.976.146	
Thuế Tài nguyên	-		2.721.400		31.090.600		31.343.200		-		2.468.800	
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-		-		3.177.915.272		3.177.915.272		-		-	
Các loại thuế khác	8.010.900		-		4.000.000		4.000.000		8.010.900		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		116.338.254		103.187.947		195.368.074		-		24.158.127	
	406.379.801		1.280.494.778		18.637.664.451		17.159.742.045		461.074.234		2.813.111.617	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

VAY NGẮN HẠN

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng thương mại có phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức ⁽¹⁾	28.265.463.980	28.265.463.980	48.654.423.883	68.973.353.703	7.946.534.160	7.946.534.160
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Trì ⁽²⁾	-	-	19.836.742.500	8.007.562.220	11.829.180.280	11.829.180.280
- Nguyễn Huy Vũ	177.000.000	177.000.000	-	177.000.000	-	-
	28.442.463.980	28.442.463.980	68.491.166.383	77.157.915.923	19.775.714.440	19.775.714.440

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

⁽¹⁾ Hợp đồng tín dụng số LAV 190089669/1702 ngày 28 tháng 08 năm 2019, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 15.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến hết tháng 08 năm 2020;
- + Lãi suất cho vay: Áp dụng cho từng lần giải ngân theo quy định tại Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là: 342.227,5 USD tương đương 7.946.534.160 VND;
- + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng tín chấp.

⁽²⁾ Hợp đồng tín dụng số 3180-LAV-201901544 ngày 18 tháng 07 năm 2019, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến hết tháng 07 năm 2020;
- + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm bao gồm: số tiền vay nội tệ là 4.000.000.000 VND và số tiền vay ngoại tệ là 337.154 USD tương đương 7.829.180.280 VND;
- + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng tín chấp.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management.

- + Về cơ cấu tổ chức, Công ty đã xây dựng và tiếp tục hoàn thiện mô hình công ty cổ phần với mục tiêu đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và các yêu cầu quản trị doanh nghiệp đối với công ty niêm yết.
- + Về công nghệ và quản lý chất lượng: Trong năm Công ty đã hoàn thành việc đầu tư Dây chuyền sản xuất pin R03 đồng bộ tự động hóa và đưa vào khai thác. Việc khai thác thành công dây chuyền công nghệ mới đối với dòng sản phẩm R03 góp phần tăng năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc, giảm đáng kể tỷ lệ phế phẩm đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future

- Phối hợp chặt chẽ Tập đoàn Pin quốc tế GP từng bước củng cố và phát triển công ty trở thành nhà sản xuất pin Măng gan kẽm hàng đầu trong khu vực.
- Tận dụng tối đa lợi thế từ các Hiệp định Thương mại mà Việt Nam đã ký kết không ngừng nâng cao tỷ trọng doanh thu xuất khẩu.
- Xây dựng chiến lược sản phẩm, từng bước tiếp cận và phát triển các phân khúc sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, có giá trị gia tăng nhằm đến mục tiêu phát triển bền vững.

Một số chỉ tiêu cơ bản cho kế hoạch 2020 được HĐQT thông qua tại phiên họp tháng 3 năm 2020

Tổng sản lượng sản xuất và tiêu thụ phần đầu 358,7 triệu viên pin các loại tăng 25 triệu viên so với thực hiện năm 2019

Doanh thu: 336 tỷ đồng (Doanh thu thuần bao gồm Pin và dịch vụ).

Lợi nhuận: >36 tỷ;

Cổ tức: phần đầu 30%.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): **Không**

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/
Assessment Report related to environmental and social responsibility of company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/
Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).

- Nguồn nước được khai thác từ nước ngầm dưới đất, được xử lý qua giàn mưa, lọc để sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt tại Công ty và khu tập thể công nhân. Hệ thống này được sử dụng từ năm 1960 và đến nay vẫn đang phải hoạt động vì chưa có nguồn nước sạch của Thành phố cung cấp.

- Tổng lượng nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt tại Công ty là 200 m³/ ngày.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers*

Công ty đã xây dựng được quy chế tiền lương hợp lý được Hội nghị Người Lao động hàng năm thông qua. Qua đó vấn đề việc làm và thu nhập của người lao động được đảm bảo.

Các chính sách đãi ngộ đối với người lao động, điều kiện làm việc được đảm bảo. Nhờ vậy người lao động trong Công ty có tâm lý yên tâm làm việc gắn bó với Công ty.

Hoạt động của tổ chức Công đoàn cũng được vận hành đúng quy định, đảm bảo quyền lợi cho người lao động qua đó không dễ xảy ra hiện tượng mâu thuẫn, xung đột lợi ích giữa người lao động và người sử dụng lao động

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/
Review concerning corporate responsibility towards the local community

Công ty hoạt động tại địa phương với thời gian 60 năm luôn được chính quyền địa phương đánh giá cao về trách nhiệm cộng đồng.

Một số lượng không nhỏ CBCNV của Công ty hiện còn đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu tại Khu tập thể Công ty cũng được Công ty quan tâm về điều kiện sinh hoạt thông qua các công trình phúc lợi như nhà Văn Hóa, Sân chơi tập thể .v.v. hoặc thăm hỏi quà tết hàng năm.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

1.1 Về mục tiêu sản lượng, doanh thu và lợi nhuận:

- Sản lượng tiêu thụ đạt 333,6 triệu viên pin các loại trong đó:

Sản phẩm Product	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch (%)		Tỷ lệ TH 2019/TH 2018 (%)	
	Nội địa Domestic	Xuất khẩu Export	Nội địa Domestic	Xuất khẩu Export
R03	96,90	92,35	108,7	99,0
R6	96,09	147,29	106,7	25,3
R20	100,13		87,1	
Tổng/Total	96,67		93,35	

Sản lượng tiêu thụ nói chung sụt giảm so với kế hoạch và so với thực hiện 2018 do 2 nguyên nhân cơ bản:

- BGD dự báo chưa đúng khả năng tăng trưởng tại thị trường nội địa, Lào và Campuchia, trong năm việc mở rộng thị trường xuất khẩu R20 nhằm bù đắp lại sự sụt giảm nhu cầu tiêu dùng tại thị trường nội địa chưa đạt được mục tiêu. Việc phát triển mở rộng thị trường tiêu thụ đối với sản phẩm R6 và R03 tại thị trường Lào và Campuchia cũng chưa đạt yêu cầu.

- Sản lượng R6 và R03 xuất khẩu vào thị trường Ấn độ chịu ảnh hưởng của việc tái cơ cấu thị trường của đối tác GP

HDQT yêu cầu BGD cần triển khai mạnh mẽ hơn nữa các chính sách bán hàng trên cơ sở tổng nguồn chi phí bán hàng đã được thông qua hàng năm để đạt được mức sản lượng mục tiêu. Đồng thời, HDQT yêu cầu BGD khẩn trương quyết liệt hoàn thiện điều kiện sản xuất tối ưu trong phạm vi có thể để sớm vượt qua các kỳ kiểm toán chất lượng của khách hàng xuất khẩu (đặc biệt là thị trường Ấn độ) nhằm từng bước phục hồi lại sản lượng tại thị trường này trong năm 2020.

Về hiệu quả: như đánh giá của BGD, mặc dù chỉ tiêu sản lượng và doanh thu đều giảm so với kế hoạch và so với 2018 nhưng hiệu quả năm 2019 vẫn vượt so với kết quả năm 2018. Yếu tố cơ bản tác động vào kết quả trên là giá nguyên liệu đầu vào có tỷ trọng lớn trong giá thành giảm mạnh do ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Giá bán sản phẩm và chính sách bán hàng tại thị trường nội địa được duy trì từ đợt tăng giá cuối năm 2018 góp phần nâng cao tỷ suất lợi nhuận đối với thị trường nội địa. Ngoài ra các khoản chi phí thường xuyên được kiểm soát trong phạm vi kế hoạch và không phát sinh các chi phí tăng đột biến so với năm 2018 nên cũng góp phần nâng cao hiệu quả SXKD năm 2019.

1.2 **Về đầu tư:** Theo kế hoạch đầu tư 2019 Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, trong năm Công ty đã hoàn thành đầu tư các hạng mục gồm:

- Hoàn thành đầu tư và đưa vào khai thác dây chuyền Pin thành phẩm R03 500c/p.
- Hoàn thành việc đầu tư máy cắt via R03 600 cái phút
- Chưa đầu tư máy trộn bột cực dương do đã có biện pháp cải tạo sửa chữa các máy trộn bột hiện có đáp ứng được yêu cầu.

Ngoài ra do yêu cầu về cải thiện điều kiện sản xuất nhằm đáp ứng các yêu cầu về kiểm toán chất lượng cũng như khắc phục sự cố đột xuất, trong năm HĐQT đã phê duyệt bổ xung kế hoạch đầu tư để BGĐ có căn cứ đầu tư bổ sung một số hạng mục gồm:

Stt	Mã tài sản	Tên tài sản	Ngày tăng	Ghi chú
	L02	Máy móc, thiết bị		
1	TSCD958	Máy Sấy khí FR050APX	01/06/2019	Đáp ứng nhu cầu SX
2	TSCD959	Máy in phun Videojet 1620 HR	01/06/2019	
3	TSCD962	Trạm biến áp 1000KVA 22/0,4KV	01/10/2019	Khắc phục sự cố đột xuất
6	TSCD964	Hệ thống kiểm tra phóng điện tự động Pin (DM 2000)	01/12/2019	Đáp ứng yêu cầu kiểm toán chất lượng
	L03	Phương tiện vận tải		
7	TSCD956	Xe nâng điện ECL10	01/02/2019	Phụ vụ hệ thống kho vật tư mới
8	TSCD963	Xe nâng dầu IZU 2,5 tấn	01/11/2019	Đáp ứng nhu cầu đóng hàng xuất khẩu
	L04	Thiết bị, dụng cụ quản lý		218.620.000
9	TSCD957	Hệ thống kệ hàng kho vật tư	01/04/2019	Đáp ứng yêu cầu kiểm toán chất lượng
		Tổng cộng:		

1.3 **Vấn đề niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán:** Ngày 13 tháng 3 năm 2019 cổ phiếu PHN của công ty đã chính thức có phiên chào sàn tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Từ thời điểm này, công ty sẽ hoạt động và chịu trách nhiệm báo cáo, công bố thông tin theo yêu cầu đối với công ty niêm yết. Yêu cầu này đòi hỏi bộ máy nghiệp vụ của Công ty phải vận hành một cách nhịp nhàng hơn, khẩn trương hoàn thành các chế độ báo cáo và thực hiện công bố kịp thời hạn. Trong năm, mặc dù là công ty mới niêm yết nhưng việc tuân thủ chế độ báo cáo của Công ty cơ bản là đáp ứng đúng yêu cầu, công ty không bị nhắc nhở hay phạt hành chính vì các vi phạm nghĩa vụ đối với công ty niêm yết. Công ty cũng đã hoàn tất việc giải trình với Thanh tra UBCK Nhà nước về tiến độ niêm yết và được Thanh tra UBCK NN chấp thuận nội dung giải trình.

1.4 **Công tác cán bộ:** Việc kiện toàn HĐQT cũng như tách chức danh Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc đã được công ty khẩn trương nghiêm túc triển khai. Dự kiến sẽ hoàn thành từng bước trong kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.

1.5 Về lao động và việc làm: Việc làm và thu nhập cho người lao động được đảm bảo và duy trì ở mức khá cao so với mặt bằng chung tại địa phương. Đội ngũ công nhân viên lao động có tay nghề, kỹ năng tốt đủ năng lực đáp ứng được yêu cầu phát triển của Công ty.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

Các phiên họp của HĐQT đều tiến hành kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện điều lệ công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông cũng như các Nghị quyết của HĐQT và các quyết định của HĐQT đối với Ban giám đốc và đã ghi nhận ban giám đốc đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được quy định trong điều lệ công ty, thực hiện đúng các nghị quyết của HĐQT và chấp hành đúng pháp luật hiện hành; Chủ động điều hành trong phạm vi quyền hạn để đảm bảo hiệu quả cao nhất cho công ty, những vấn đề vượt quá thẩm quyền đều xin ý kiến HĐQT để HĐQT quyết định;

HĐQT đã chỉ ra những hạn chế, những rủi ro trong điều hành hoạt động SXKD và đề ra các giải pháp nhằm hạn chế các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình điều hành.

HĐQT cũng đã thống nhất lộ trình đánh giá, chuyển giao và bổ nhiệm một số chức danh lãnh đạo và quản lý trong công ty đồng thời điều chỉnh quy hoạch cán bộ cho phù hợp với tình hình mới.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors*

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section*).

1. *Hội đồng quản trị/ Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors:* (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies)*).

- Ông Phạm Văn Nghĩa Chức vụ Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Công ty

Năm sinh: 1961 Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Số cổ phần sở hữu: 364.350 cổ phần

- Ông Nguyễn Thanh Hùng: Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc

Năm sinh 1963 Trình độ Kỹ sư chế tạo máy – Kỹ sư quản trị kinh doanh

- Số cổ phần sở hữu: 117.980 cổ phần
- Ông Nguyễn Cao Sơn : Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc
Năm sinh 1966 Trình độ Kỹ sư Điện hóa
Số cổ phần sở hữu: 7.723 cổ phần
- Ông Võ Khánh Toàn : Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc
Năm sinh 1973 Trình độ Cử nhân kinh tế
Số cổ phần sở hữu: 16.800 cổ phần
- Ông Nguyễn Thanh Quang: Chức vụ UV HĐQT - Quản đốc PX Pin số 2
Năm sinh 1965 Trình độ Kỹ sư Điện hóa
Số cổ phần sở hữu: 11.463 cổ phần
Thành viên không điều hành
- Bà Quek Guet Ngoh: Chức vụ UV HĐQT
Năm sinh: 1961 Quốc tịch Singapore
Thành viên không điều hành
- Ông Qiu Ruixiang: Chức vụ UV HĐQT
Năm sinh: 1966 Quốc tịch Trung quốc
Thành viên không điều hành, từ nhiệm từ tháng 10 năm 2019
- Ông Tsui Wing Fai: Chức vụ UV HĐQT
Năm sinh: 1961 Quốc tịch Trung Quốc
Thành viên không điều hành, được bổ nhiệm từ tháng 10 năm 2019

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director:*

Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors:* đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings.*

Để thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, tính từ thời điểm sau Đại hội đồng cổ đông năm 2019, HĐQT Công ty đã tổ chức 11 phiên họp và xin báo cáo trước Đại hội những nội dung cơ bản sau:

Nội dung phiên họp lần 1: Ngày 22/05/2019

- Thảo luận và phân công triển khai nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT sau ĐHCĐ năm 2019
- Thảo luận kết quả sản xuất kinh doanh 4 tháng đầu năm và triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019
- Thảo luận cơ hội kinh doanh của thị trường xuất khẩu thông qua GPBI và hợp tác với GPBI để nâng cao thị phần tại thị trường nội địa
- Thảo luận và thông qua vấn đề tăng vốn điều lệ của công ty TNHH pin GP (Việt Nam)
- Thảo luận vấn đề kiện toàn cơ cấu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty
- Thảo luận vấn đề di chuyển địa điểm sản xuất

Nội dung phiên họp lần 2: Ngày 21/06/2019

- Thảo luận và thông qua ủy quyền tham gia đấu giá kềm 6 tháng cuối năm 2019

Nội dung phiên họp lần 3: Ngày 26/06/2019

- Thảo luận và thông qua hạn mức tín dụng 6 tháng cuối năm 2019 của Ngân hàng Eximbank chi nhánh thủ đô và Ngân hàng Agribank chi nhánh Thanh Trì.

Nội dung phiên họp lần 4: ngày 15/07/2019

- Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2019
- Trích lập dự phòng cho khoản lỗ của công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)

Nội dung phiên họp lần 5: ngày 30/07/2019:

- Xem xét dự thảo điều lệ sửa đổi của Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)

Nội dung phiên họp lần 6: ngày 04/09/2019

- Xem xét và thảo luận kế hoạch thoái vốn của Tập đoàn HCVN (Vinachem) tại Công ty;
- Phân tích, Đánh giá kết quả SXKD 9 tháng đầu năm, nhiệm vụ còn lại Quý 4/2019, dự kiến kết quả SXKD cả năm 2019;
- Phân công chuẩn bị xây dựng KHSXKD năm 2020 để trình HĐQT tại phiên họp tiếp theo và thảo luận công tác cán bộ.

Nội dung phiên họp lần 7: ngày 9 & 10/10/2019

- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh 9 tháng và dự kiến năm 2019
- Thảo luận và quyết định tạm ứng cổ tức năm 2019
- Xem xét và phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

- Thảo luận về công tác đầu tư: đầu tư bổ sung 2019 và dự kiến đầu tư 2020
- Thông qua báo cáo của BKS các quý I, II
- Công tác cán bộ: Miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT đối với ông Qiu Ruixiang và bổ nhiệm ông Tsui Wing Fai làm Thành viên HĐQT thay thế ông Qiu Ruixiang.-

Các vấn đề khác:

- Báo cáo về vấn đề tìm địa điểm sản xuất mới.
- Xem xét vấn đề nói room cho nhà đầu tư nước ngoài
- Xem xét vấn đề đầu tư công nghệ sản xuất pin không chì

Nội dung phiên họp lần 8: ngày 30/11/2019

- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh quý IV, năm 2019
- Thông qua báo cáo của BKS quý III
- Thảo luận về công tác đầu tư: đầu tư bổ sung 2019 và dự kiến đầu tư 2020

Nội dung phiên họp lần 9: ngày 20/02/2020

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019
- Xem xét kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020
- Thảo luận kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ năm 2020
- Công tác cán bộ, cổ tức và nói room cho nhà đầu tư nước ngoài.

Nội dung phiên họp lần 10: ngày 24/03/2020

- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020
- Thông qua tờ trình đầu tư
- Công tác cán bộ
- Đại hội đồng cổ đông năm 2020

Nội dung phiên họp lần 11: 07/04/2020

- Thông qua phương án chi trả tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2019

Trong năm, HĐQT cũng đã ủy quyền cho Ban giám đốc tham gia các đợt đấu giá kèm thời do Công ty cổ phần Kim loại màu VIMICO tổ chức và ký các hợp đồng mua kèm thời có giá trị lớn theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the committees of the Board of Directors*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings*).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.*

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/ *list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

1- Bà Nguyễn Thị Thanh Hải Trưởng ban; Trình độ: Cử nhân chuyên ngành Tài Chính - Kế toán

Thành viên độc lập, không tham gia điều hành. Số cổ phần sở hữu: 34.965 CP

2- Ông Nguyễn Thanh Đức Ủy viên; Trình độ Kỹ sư Điện hóa

Chức vụ Trưởng Phòng KTCN-MT-KCS. Số cổ phần sở hữu: 8.303 CP

3- Ông Huỳnh Tín Đình Ủy viên;

Thành viên độc lập, không tham gia điều hành. Số cổ phần sở hữu: Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*).

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã thực hiện đúng vai trò Kiểm soát theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm Ban Kiểm soát đã tổ chức 4 phiên họp chính thức và nhiều phiên làm việc trực tiếp khác. Các phiên họp của Ban Kiểm soát tập trung vào các nội dung kiểm soát việc thực hiện Điều lệ của Ban Giám đốc và các phòng ban chức năng, Kiểm soát việc chấp hành Quy chế quản trị nội bộ, quy chế tài chính đồng thời kiểm soát báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, năm theo quy định. Ngoài ra Ban Kiểm soát thường xuyên tham gia các phiên họp của HĐQT và thực hiện vai trò của Ban Kiểm soát dưới hình thức có ý kiến trực tiếp với HĐQT. Ban Kiểm soát cũng đã trực tiếp làm việc với Công ty kiểm toán nội bộ về các vấn đề tại Báo cáo Tài chính soát xét Bán niên, Báo cáo Tài chính kiểm-toán năm. Ban Kiểm soát thống nhất với các báo cáo do Công ty kiểm toán độc lập ban hành.

Trong năm Ban Kiểm soát không nhận được ý kiến phản ánh về tình hình điều hành hoạt động của Công ty từ các Cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/*Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*:

Báo cáo về thu nhập của các UV HĐQT; BKS năm 2019:

- Quy chế tiền lương năm 2019
- Phụ cấp HĐQT và BKS theo QĐ số 146/HĐQT-PHN năm 2017

Theo đó:

- Tiền lương: Các thành HĐQT và BKS không hưởng lương chuyên trách mà chỉ hưởng lương theo cương vị, chức vụ trong điều hành và quản lý tại Công ty.

Mức lương tháng hiện hành:

<i>Chức danh</i>	<i>Lương cơ bản</i>	<i>Thưởng</i>	<i>Tổng</i>
Giám đốc	15.669.000	19.351.215	35.410.215
Phó giám đốc	12.527.000	15.470.845	28.387.845
Trưởng phòng – Quản đốc	9.552.000	8.740.080	18.682.080

- Phụ cấp HĐQT và BKS:

Chủ tịch HĐQT: 5.000.000/tháng

Ủy viên HĐQT: 3.000.000/tháng

Trưởng ban Kiểm soát: 3.000.000/tháng

Ủy viên Ban Kiểm soát: 2.000.000/tháng

Thư ký Công ty 2.000.000/tháng

- Ngoài ra đối với các UV HĐQT; Thành viên Ban Kiểm soát không trực tiếp điều hành và quản lý còn được hưởng thù lao: 1.000.000đ/ngày làm việc khi tham dự các phiên họp do HĐQT triệu tập.

2- *Tình hình thu nhập thực tế của các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2019:*

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Tiền lương + thưởng</i>	<i>Phụ cấp</i>	<i>Thù lao</i>	<i>Tổng cộng</i>
Phạm Văn Nghĩa	Chủ tịch – Giám đốc	140.279.053	60.000.000		200.279.053
Nguyễn Thanh Hùng	UV HĐQT – PGĐ	428.426.734	36.000.000		464.426.734
Nguyễn Cao Sơn	UV HĐQT – PGĐ	334.088.426	36.000.000		370.088.426
Võ Khánh Toàn	UV HĐQT – PGĐ	340.744.971	36.000.000		376.744.971
Nguyễn Thanh Quang	UV HĐQT – Quân đốc PX Pin số 2	203.781.861	36.000.000		239.781.861
Quek Guet Ngoh	UV HĐQT		36.000.000	10.000.000	46.000.000
Qiu Ruixiang	UV HĐQT		54.000.000	10.000.000	64.000.000
Tsui Wing Fai	UV HĐQT				
Nguyễn Thị Thanh Hải	Trưởng BKS		36.000.000	77.777.667	113.777.667
Huỳnh Tín Đình	UV BKS		24.000.000	2.222.222	26.222.222
Nguyễn Thanh Đức	UV BKS	216.450.883	24.000.000		240.450.883
Nguyễn Huy Vũ	Thư ký HĐQT	112.057.698	24.000.000		136.057.698

Ghi chú: Ông Qiu Ruixiang Miễn nhiệm chức vụ UV HĐQT theo Quyết định HĐQT số 257/2019/HĐQT-PHN ngày 11/10/2019; Ông Tsui Wing Fai bổ nhiệm UV HĐQT theo QĐ số 258/ 2019/HĐQT-PHN ngày 11/10/2019

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ Transactions of internal shareholders: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons).*

Không

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ Contracts or transactions with internal shareholders: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights).*

Không có

d) *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ Implementation of regulations on corporate governance: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản*

trị công ty/Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance).

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided*).

Nơi nhận:

- Công bố thông tin
- HĐQT, Ban Kiểm soát
- Lưu HC, Thư ký Công ty

T/M Hội đồng quản trị
Chủ tịch

Phạm Văn Nghĩa